

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày 29-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Trần Thị Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1973 tại thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lương Thị G; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 01/QĐ-TA ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc buộc Nguyễn Văn P phải cải tạo với thời gian là 02 (Hai) năm do có hành vi trộm cắp tài sản, đã cải tạo xong từ ngày 28 tháng 5 năm 2015; bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 12 năm 2017 đến nay, “có mặt”.

2. Đoàn Văn S, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1980 tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn D và bà Phạm Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị V và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 12 năm 2017 đến ngày 12 tháng 4 năm 2018

được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

- Bị hại:

1. Anh Trần Danh T, sinh năm 1981; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; trú tại: Phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị V (vợ bị cáo S), sinh năm 1984; trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. Chị Nguyễn Thị N (vợ bị cáo P), sinh năm 1976; trú tại: Tổ dân phố G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Văn T, cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thị Thùy L; “đều vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 02 tháng 4 và ngày 12 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn P cùng đồng phạm đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Trên cơ sở đơn tố giác của anh Trần Danh T, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn P để làm việc và P khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01 tháng 4 năm 2017, Đặng Đình H (là bạn của P) trú tại thôn C, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đi bộ đến nhà P chơi. Lúc này có hai con của P là các cháu Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Thùy L ở nhà. Do trước đó P biết tại bãi đất trống để vật liệu của nhà anh Trần Danh T có để 01 chiếc nắp đuôi thùng xe ô tô tải nên rủ H đi trộm cắp tài sản và nói “Ngoài nhà thằng T có tấm sắt đêm tao với mày đi lấy”. H đồng ý và nói “Đêm khuya thì đi”. Đến khoảng hơn 01 giờ ngày 02 tháng 4 năm 2017, P điều khiển xe mô tô Dream của P (không nhớ biển kiểm soát) chở H đến nhà anh T để trộm cắp tài sản. Đến nơi, quan sát thấy không có người trông giữ, P dựng xe mô tô trên đường rồi cùng H đi bộ vào bãi đất trống khiêng chiếc nắp đuôi thùng xe ô tô mang ra để lên yên xe mô tô. P chở H mang chiếc nắp đuôi thùng xe vừa trộm cắp được đi cất giấu tại khu vực đồi Quả Bống gần Khu công nghiệp Bá Thiện II để ngày hôm sau tìm chỗ tiêu thụ. Sau đó cả hai về nhà của mình ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 02 tháng 4 năm 2017, anh T phát hiện bị mất chiếc nắp đuôi thùng xe ô tô, nghi ngờ P lấy trộm nên gọi điện thoại hỏi và nhờ P tìm hộ để chuộc lại. P nói dối là biết người lấy trộm và yêu cầu anh T phải chuộc lại thì anh T đồng ý. Chiều cùng ngày P

điều khiển xe máy đến nhà anh T bảo anh T cho người đi cùng để lấy chiếc nắp đuôi xe. Anh T nhờ anh Lâm Văn T là nhân viên lái máy xúc nhà anh T đi cùng P. Sau đó P chở anh T đến đồi Quả Bóng và đem chiếc nắp đuôi thùng xe về trả anh T. P nói là chuộc lại của người mua sắt vụn với giá 600.000 đồng nên anh T đã đưa cho P số tiền này.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh hiện trường vụ việc, tiến hành kiểm tra, đo đạc đối với chiếc nắp đuôi thùng xe ô tô mà P cùng đồng phạm đã trộm cắp ngày 02 tháng 4 năm 2017, đồng thời tiến hành trưng cầu định giá tài sản là vật chứng của vụ án do anh T giao nộp.

Trên cơ sở trưng cầu của Cơ quan điều tra, ngày 15 tháng 12 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên đã kết luận: Chiếc nắp đuôi thùng xe ô tô tải của anh T có trị giá là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Đối với chiếc xe mô tô sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 02 tháng 4 năm 2017, P đã bán cho một người không quen biết ở thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào khoảng tháng 5 năm 2017 nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Vụ thứ hai:

Trên cơ sở trình báo của anh Nguyễn Văn C về việc anh bị mất trộm 08 tấm kim loại định hình cột trong xây dựng (gồm 05 tấm có kích thước dài 3,6m, rộng 28cm dày 4cm và 03 tấm dài 3,6m, rộng 20cm, dày 4cm) để tại tầng hai công trình xây dựng nhà ở của anh tại tổ dân phố G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên đã tiến hành điều tra và xác định được Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S là các đối tượng trộm cắp tài sản của anh C.

Quá trình điều tra, P và S đã khai nhận: Khoảng 01 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn P đang ở nhà thì có Đoàn Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biếm kiểm soát 88G1 - 330.63 đến chơi. Do trước đó P biết tại tầng 2 công trình xây dựng nhà ở của anh Nguyễn Văn C ở tổ dân phố G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có để 08 tấm định hình cột bằng kim loại trong xây dựng nên P rủ S trộm cắp các tấm định hình cột này. P nói “Tý đi kiếm tý”, S hiểu ý P rủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày S điều khiển xe mô tô chở P đi đến đường nội đồng ở phía sau nhà ở đang xây dựng của anh C. P bảo S dừng xe lại rồi nói với S “Chờ đây để lấy cốt pha cột”. P đi bộ men theo các cột chống sàn ở tầng một để trèo lên tầng hai, sau khi quan sát thấy không có ai, P lần lượt chuyển được 04 tấm định hình cột bằng kim loại xuống để S ở dưới đón và bê ra ngoài đường. P trèo xuống và đi ra xe, điều khiển xe mô tô chở S ngồi sau giữ 04 tấm định hình cột đi ra đường 310 đến khu vực cầu Quảng Khai thuộc địa phận xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên để tìm nơi tiêu thụ thì P nhìn thấy cửa hàng mua bán phế liệu của vợ chồng anh Đỗ Phi H ở mặt đường T thuộc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cách cầu Quảng Khai khoảng 200m. P dừng xe lại và nói với S “Mày vào đi tao không vào đâu”, sau đó P đứng ở ngoài chờ còn S tay phải điều khiển xe mô tô, tay trái vòng ra sau giữ 04 tấm cột định hình đi đến trước cửa quán của anh H.

Khi đến quán gặp H, S đặt vấn đề bán 04 tấm định hình cột bằng kim loại và nói “Anh cân cho em ít sắt vụn”, H không nói gì và đi ra xe mô tô cùng S khiêng 04 tấm cột định hình vào cân được 112kg, S hỏi bao nhiêu tiền một cân thì anh H nói “Năm nghìn rưỡi một cân”. S đồng ý bán và nói “Cứ để đây tý lấy tiền sau”. S điều khiển xe mô tô ra đón P quay lại nhà của anh C tiếp tục trộm cắp được 04 tấm định hình cột bằng kim loại còn lại. Sau đó P điều khiển xe mô tô chở S đến khu vực cầu Quảng Khai, P đứng ở ngoài chờ, S một mình vào gặp anh H cân tiếp 04 tấm định hình cột được 118kg. Anh H trả cho S 1.200.000 đồng, S cầm tiền ra đưa cho P. P giữ lại 650.000 đồng và chia cho S 550.000 đồng.

Trên cơ sở trưng cầu của Cơ quan điều tra, ngày 12 tháng 12 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên đã kết luận: 05 tấm cốt pha định hình cột trong xây dựng kích thước 4cm x 28cm x 3,6m trị giá 2.680.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); 03 tấm cốt pha định hình cột trong xây dựng kích thước 4cm x 20cm x 3,6m trị giá 1.544.998 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng). Tổng trị giá tài sản mà P và S trộm cắp là 4.244.998 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Quá trình điều tra, Đoàn Văn S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 88G1 - 330.63.

Tại Cáo trạng số 27/CT - VKSBX ngày 11 tháng 4 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo P từ 10 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo S 04 tháng tù, bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong cho anh C với số tiền 4.600.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị trả lại cho chị Nguyễn Thị V chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88G1 - 330.63.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh Trần Danh T và anh Nguyễn Văn C đều thừa nhận sự bị mất trộm các tài sản như lời trình bày của các bị cáo là đúng. Về trách nhiệm dân sự, anh C xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong theo yêu cầu của anh với số tiền 4.600.000; còn anh T không yêu

cầu P phải trả lại 600.000 đồng là tiền anh chuộc chiếc nắp đuôi xe ô tô. Cả anh T và anh C đều không có yêu cầu gì khác và đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chị Nguyễn Thị V xác nhận chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88G1 - 330.63 là của chị, chị không biết bị cáo S sử dụng làm phương tiện phạm tội và đề nghị Tòa án trả lại xe cho chị.

Chị Nguyễn Thị N trình bày do bị cáo P đang bị tạm giam nên chị bồi thường cho anh C số tiền 2.300.000 đồng thay cho bị cáo, chị xác nhận số tiền đã bồi thường là tài sản chung của vợ chồng và không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Nguyễn Văn P khai nhận vào ngày 02 tháng 4 và ngày 12 tháng 11 năm 2017, bị cáo cùng đồng bọn đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; tài sản trộm cắp có tổng giá trị là 8.244.998 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 02 tháng 4 năm 2017, Nguyễn Văn P cùng một đối tượng khác đã trộm cắp 01 chiếc nắp đuôi thùng xe ô tô tải của anh Trần Danh T ở tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trị giá tài sản chiếm đoạt là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 12 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S đã trộm cắp 08 tấm kim loại định hình cột trong xây dựng của anh Nguyễn Văn C ở tổ dân phố G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trị giá tài sản chiếm đoạt là 4.244.998 đồng.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng; sơ đồ hiện trường; vật chứng vụ án đã thu giữ; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Cả hai bị cáo đều được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đó là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; ngoài ra bị cáo S còn được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 46 là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo P còn phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 là phạm tội nhiều lần.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn P là người khởi xướng việc phạm tội và trực tiếp tham gia tội phạm với vai trò tích cực, còn Đoàn Văn S là người thực hiện tội phạm, sau khi chiếm đoạt được tài sản đã trực tiếp đi tiêu thụ; các bị cáo phạm tội với động cơ, mục đích là kiếm tiền để tiêu sài cá nhân.

Đối với bị cáo P, trước khi phạm tội có nhân thân không tốt, đã bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, đấu tranh phòng chống đối với loại tội này.

Đối với bị cáo S, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46, không phải chịu tình tiết tăng nặng nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị xét xử là phù hợp. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng với vai trò đồng phạm, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra đã bị tạm giam với thời gian 04 tháng cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện. Thấy rằng, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo S bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quá trình điều tra, bị cáo P khai nhận còn có Đặng Đình H cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T vào ngày 02 tháng 4 năm 2017. Cơ quan điều tra đã nhiều lần tiến hành xác minh, triệu tập đối tượng Đặng Đình H để làm việc nhưng H không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Ngày 16 tháng 01 năm 2018, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng nghi vấn đối với Đặng Đình H nhưng chưa có kết quả. Do ngoài lời khai của P thì chưa có chứng cứ khác để chứng minh H là người tham gia phạm tội ngày 02 tháng 4 năm 2017 cùng P nên Cơ quan điều tra đề nghị tiếp tục điều tra, xác minh và tiến hành truy tìm H, khi nào triệu tập được, làm rõ vai trò của H sẽ xử lý sau là phù hợp.

[6] Tuy bị cáo S khai đã bán cho anh Đỗ Phi H 08 tấm kim loại định hình cột là vật chứng của vụ án nhưng anh H không thừa nhận lời khai của S. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa anh H với S nhưng không có kết quả; S thừa nhận không quen biết anh H và khi bán tài sản thì chỉ có một mình S giao dịch với anh H. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra tại cửa hàng của anh H nhưng không thu giữ được vật chứng; không có chứng cứ chứng minh anh H là người mua tài sản do S phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với anh H là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 600.000 đồng mà anh Trần Danh T trả cho P để chuộc lại chiếc nắp thùng xe ô tô tải do anh T không yêu cầu P phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng ngày 21 tháng 5 năm 2018, anh C có đơn xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong theo yêu cầu của anh với số tổng tiền 4.600.000 đồng trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 2.300.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận này và xác nhận họ đã bồi thường xong. Xét đây là thỏa thuận tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận.

Chị Nguyễn Thị N là người bồi thường thay cho bị cáo P nhưng không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên tòa không xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Tuy bị cáo S đã sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88G1 - 330.63 làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản nhưng chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị V không có lỗi nên cần trả lại chiếc xe này cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 02 tháng 4 năm 2017, do bị cáo P đã bán, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Tòa không xét.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 13 tháng 12 năm 2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn S 04 (Bốn) tháng tù, bằng với thời gian đã bị tạm giam, từ ngày 13 tháng 12 năm 2017 đến ngày được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12 tháng 4 năm 2018. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự 1999; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc liên đới bồi thường thiệt hại dân sự giữa các bị cáo Nguyễn Văn P, Đoàn Văn S và anh Nguyễn Văn C với số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 2.300.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong, thể hiện tại giấy biên nhận tiền lập ngày 21 tháng 5 năm 2018.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị V chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88G1 - 330.63 có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 21 tháng 5 năm 2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P và Đoàn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT - CA huyện Bình Xuyên;
- CQCSTHAHS- CA huyện Bình Xuyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Danh

